

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó Giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)



Đối tượng đăng ký: **Giảng viên**; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Khoa học Giáo dục**; Chuyên ngành: **LL&PP dạy học bộ môn Vật lý**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **LÊ CHÍ NGUYỄN**

2. Ngày tháng năm sinh: 22/12/1964; **Nam** ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Thị trấn Thiên Tôn – Hoa Lư – Ninh Bình

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phố Đông Nam, Thiên Tôn, Hoa Lư, Ninh Bình

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): *Căn 301, Tòa nhà N01T8, chung cư Đoàn Ngoại Giao, phường Xuân Tảo, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.*

Điện thoại di động: 0912223128;

E-mail: Lechinguyen@vnu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 12 năm 1993 đến tháng 08 năm 1996, giáo viên tại Trung tâm KTTH.HN.DN - Sở GD-ĐT tỉnh Ninh Bình.

- Từ tháng 9 năm 1996 đến tháng 08 năm 2008, *Giảng viên trường CĐSP Ninh Bình*

- Từ năm 2007 đến tháng 7 năm 2019: *Giảng viên Khoa Tự nhiên – Trường Đại học Hoa Lư Bình Bình*

- Từ tháng 8 năm 2019 đến nay: *Giảng viên Khoa Sư Phạm, Trường Đại học Giáo dục – ĐHQGHN*

Chức vụ cao nhất đã qua: *Trưởng khoa.*

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Cơ quan công tác hiện nay: Khoa sư phạm, trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc
gia Hà Nội.*

Địa chỉ cơ quan: 144 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: (024) 7301 7123.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): *(Năm học 2019 -2020, giảng dạy tại
đại học Hoa Lư Ninh Bình)*

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học ngày 30 tháng 10 năm 1992; số văn bằng: A 60955; ngành:
Sư phạm Vật lý. Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp Bằng Kỹ sư Tin học ngày 23 tháng 12 năm 1998; số văn bằng 68198. Nơi
cấp bằng: Trường Đại học bách khoa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 25 tháng 02 năm 2005; số văn bằng: 1339; ngành:
Giáo dục học; chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý; Nơi cấp
bằng ThS: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 16 tháng 10 năm 2020; số văn bằng A0200; ngành:
Giáo dục học; chuyên ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lí; Nơi cấp
bằng TS: Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên - ĐHTN, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại
học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành: Khoa học
Giáo dục

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Trong quá trình nghiên cứu, tôi tập trung vào các hướng chính: (1) nghiên cứu lý luận
và phát triển phương pháp dạy học Vật lí và Khoa học Tự nhiên nhằm hình thành, phát
triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực khoa học tư duy phản biện cho học sinh phổ
thông; (2) thiết kế, triển khai các mô hình giáo dục hiện đại như giáo dục STEM, dạy học
tích hợp, học tập trải nghiệm, kết hợp ứng dụng công nghệ và thí nghiệm hiện đại trong
dạy học Vật lí nâng cao hiệu quả dạy và học; Biên soạn giáo trình, tài liệu đào tạo giáo
viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và chương trình GDPT 2018.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 6 HVCH bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Đã chủ nhiệm và hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp Tỉnh và 01 đề tài cấp cơ sở.

Thành viên đề tài Nafoted.

- Đã công bố 21 bài báo khoa học, trong đó **là tác giả chính 04 bài báo khoa học công bố trên tạp chí quốc tế trong danh mục ISI/Scopus.**

- Số lượng sách đã xuất bản là 07 cuốn. Trong đó, 03 giáo trình sử dụng cho đào tạo chuyên ngành Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Khoa học tự nhiên và Thạc sĩ lí luận và PPDH Bộ môn tích hợp (đồng chủ biên 01 và chủ biên 01). Các sách đều được xuất bản tại NXB đại học quốc gia Hà Nội.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

10 năm liên tục (từ 2008 – 2018) đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

Đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cấp Tỉnh năm học 2018-2019”. Quyết định số: 403/QĐ/UBND, ngày 8/8/2019 của chủ tịch UBND Ninh Bình.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): *Không.*

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

Trong quá trình công tác với vai trò giảng viên và cán bộ quản lý, tôi luôn nghiêm túc chấp hành mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy định của Nhà trường. Tôi không ngừng nỗ lực học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện đầy đủ và hiệu quả các nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Về khối lượng công việc, tôi luôn hoàn thành định mức giờ giảng và vượt định mức nghiên cứu khoa học.

Với ý thức trách nhiệm, sự tận tâm và nghiêm túc trong giảng dạy, tôi thường xuyên nhận được phản hồi tích cực từ sinh viên, học viên sau đại học. Song song với công tác giảng dạy và quản lý, tôi tích cực tham gia nghiên cứu theo định hướng về khoa học giáo dục, tôi đã công bố một số nghiên cứu trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus, đồng thời biên soạn giáo trình, sách tham khảo phục vụ giảng dạy và học tập cho sinh viên, học viên cao học. Tôi đã và đang tích cực hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ cho sinh viên và học viên sau đại học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Căn cứ vào Luật giáo dục; Luật giáo dục đại học; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học và Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập,

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước cá nhân tôi tự đánh giá đạt tiêu chuẩn và hoàn thành tốt nhiệm vụ của nhà giáo trong cơ sở giáo dục đại học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số: hơn 30 năm công tác trong ngành Giáo dục và Đào tạo, kể từ khi tốt nghiệp đại học đến nay, tôi có hơn 18 năm là giảng viên chính (từ 2007). Cụ thể về công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn giảng dạy quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019- 2020			0	0	303	0	270
2	2020-2021	✓		01	02	320.5	0	270
3	2021- 2022	✓		01	20	250.9	67.5	320
03 năm học cuối								
4	2022- 2023	✓		2	40	368.7	67.5	350
5	2023-2024	✓		2	42	523	67.5	350
6	2024- 2025	✓		2	0	328	67.5	350

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Chứng chỉ B2 ngôn ngữ Anh, số hiệu 033777, cấp ngày 28 tháng 11 năm 2018. Đại học Thái Nguyên.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

d) Đối tượng khác ;

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ B2 Ngôn ngữ Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		✓	✓		2020-2022	Trường Đại học Giáo dục - ĐHQGHN	- QĐ công nhận học vị và cấp bằng số: 924 QĐ-ĐHGD ngày 9/6/2022 Số hiệu bằng: QM 039077 - Số vào sổ: 22.208/SPVL - Ngày cấp bằng: 22/06/2022
2	Tạ Thị Hương Giang		✓	✓		2020-2022	Trường Đại học Giáo dục - ĐHQGHN	- QĐ công nhận học vị và cấp bằng số: 1144 QĐ-ĐHGD ngày 11/07/2022 Số hiệu bằng: QM 039228 - Số vào sổ: 22278/SPVL - Ngày cấp bằng: 22/07/2022
3	Nguyễn Thị Hồng Vân		✓	✓		2021-2023	Trường Đại học Giáo dục - ĐHQGHN	- QĐ công nhận học vị và cấp bằng số: 3138 QĐ-ĐHGD ngày 11/12/2023 Số hiệu bằng: QM 041566 - Số vào sổ: 23416/SPVL - Ngày cấp bằng: 26/12/2023
4	Đinh Thị Thu Thủy		✓	✓		2021-2023	Trường Đại học Giáo dục - ĐHQGHN	- QĐ công nhận học vị và cấp bằng số: 3138/QĐ-ĐHGD ngày 11/12/2023 - Số vào sổ: 23412/SPVL - Ngày cấp bằng: 26/12/2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

5	Ngô Thanh Huyền		✓	✓		2021- 2023	Trưởng ĐHSP Thái Nguyên	- QĐ công nhận học vị và cấp bằng số: Số hiệu bằng: DTS/ThS/00221 - Số vào sổ: DTS/ThS/2023/346 - Ngày cấp bằng: 02/10/2023
6	Trần Phương Thảo		✓	✓		2022- 2024	Trưởng ĐHSP Hà Nội 2	QĐ công nhận học vị và cấp bằng số: 1716/QĐ- ĐHSPHN2 Số hiệu bằng: M001238 Ngày cấp bằng: 16/01/2025

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận là tiến sĩ không có						
II	Sau khi được công nhận là tiến sĩ						
1	<i>Cơ sở khoa học tự nhiên</i> (Tái bản lần I)	GT	NXB ĐHQG Hà Nội, 2025 ISBN: 978-604-43-2852-2	5	CB	Chương 2,3,4 (Từ trang 61 đến trang 169)	Bản xác nhận của trường ĐHQG
2	<i>Phương pháp dạy học khoa học tự nhiên ở trường THCS</i>	GT	NXB ĐHQG Hà Nội, 2025 ISBN: 978-604-43-4845-2.	5	CB	Chương 1 và 3 (từ trang 19 đến 78 và từ trang 178 đến 223)	Bản xác nhận của trường ĐHQG

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3	<i>Năng lượng và sự chuyển hóa</i>	GT	NXB ĐHQG Hà Nội, 2025 ISBN: 978-604-43-4461-4.	6	TG	Chương 2. (Từ trang 41 đến trang 111)	Bản xác nhận của trường ĐHGĐ
4	<i>Dạy học khoa học tự nhiên lớp 6</i>	TK	NXB ĐHQG Hà Nội, 2025 ISBN: 978-604-43-4464-5.	9	CB		Hồ sơ của Hội đồng nhiệm thu
5	<i>Dạy học khoa học tự nhiên lớp 7</i>	TK	NXB ĐHQG Hà Nội, 2025 ISBN: 978-604-43-4452-2.	9	CB		Hồ sơ của Hội đồng nhiệm thu
6	<i>Dạy học khoa học tự nhiên lớp 8</i>	TK	NXB ĐHQG Hà Nội, 2025 ISBN: 978-604-43-4454-6.	9	CB		Hồ sơ của Hội đồng nhiệm thu
7	<i>Dạy học khoa học tự nhiên lớp 9</i>	TK	NXB ĐHQG Hà Nội, 2025 ISBN: 978-604-43-4485-0.	9	CB		Hồ sơ của Hội đồng nhiệm thu

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách giáo trình, sách tham khảo do nhà NXB Đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản, mà ứng viên là chủ biên, đồng chủ biên sau tiến sĩ là: 2 giáo trình theo số TT: [1], [2].

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; CB: Chủ biên; TG: Tác giả

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Trước khi được công nhận TS					
1	<i>Nghiên cứu thiết kế, chế tạo và sử dụng thí nghiệm có kết nối với máy vi tính, phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh THPT môn Vật Lý</i>	Chủ nhiệm	Cấp Bộ/Tỉnh	2/2018-5/2019	- Nhiệm thu: 16/05/2019. - Xếp loại KQ: Đạt
2	<i>Vận dụng tích hợp vào thiết kế tiến trình dạy học một số kiến thức trong chương trình vật lí THPT</i>	Chủ nhiệm	Cơ sở	5/2017-5/2018	- Nhiệm thu: 17/5/2018. - Xếp loại KQ: Xuất sắc
Sau khi được công nhận TS					

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	Tiêu chí đánh giá năng lực dạy học STEM của giáo viên các trường trung học tại Việt Nam	Thành viên	Nafoted	9/2023 - 9/2025	-HĐ số: 04/2023/HĐ-KHCN, ngày 25/9/2023 -Thanh lí HĐ, ngày 27/8/2024
---	---	------------	---------	-----------------	---

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận Tiến sĩ							
1	Một số cải tiến và phương án sử dụng bộ thí nghiệm «Dòng điện trong các môi trường» trong dạy học Vật lý nhằm tăng cường hoạt động tìm tòi - khám phá khoa học của HS	01	✓	Tạp chí Giáo dục ISSN 2354- 0753			Số đặc biệt 3/2014 tr. 144- 151,152	2014
2	Xây dựng khái niệm năng lực khoa học của học sinh trong học tập vật lý ở trường phổ thông	01	✓	Tạp chí Giáo dục ISSN 2354- 0753			Số 354, kì 2. Tr 56-58	2015
3	Sử dụng thí nghiệm trong dạy học vật lý ở trường THPT theo hướng phát huy tính tích cực, tự chủ và sáng tạo của học sinh	01	✓	Tạp chí Giáo dục ISSN 2354- 0753			Số tháng 10/2015. Tr 138-140	2015
4	Sử dụng kết nối máy vi tính trong khảo sát đặc tính của	01	✓	Tạp chí Giáo dục ISSN 2354- 0753			Số tháng 4/2016.	2016

	<i>DIOT bán dẫn (vật lí 11) nhằm phát triển năng lực nghiên cứu khoa học của học sinh</i>						tr.105-107	
5	<i>Đánh giá năng lực khoa học của học sinh khi dạy học một số khái niệm về dòng điện trong các môi trường (vật lí11)</i>	02	✓	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP Hà Nội, ISSN: 0868-3719			Volume 61, Number 8B, Tr 272-278	2016
6	<i>Thiết kế, chế tạo và sử dụng thí nghiệm thực hành đo hệ số nhiệt điện động của cặp nhiệt điện trong dạy học vật lí 11 nhằm phát triển năng lực khoa học của học sinh</i>	02	✓	Hội thảo giảng dạy vật lí toàn quốc lần thứ IV ISSN 1859-4603			Số 29B(03). 2018	2018
II Sau khi được công nhận Tiến sĩ								
7	<i>Phát triển năng lực Vật lí của học sinh thông qua dạy học STEM</i>	01	✓	Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam ISSN 2615-8957			Số 43 tháng 11, tr. 12- 17	2021
8	<i>Thiết kế bài học STEM tiếp cận quy trình thiết kế kỹ thuật</i>	01	✓	Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam ISSN 2615-8957			Số 47 tháng 11, tr. 18 -23	2021
9	<i>Phát triển năng lực giải quyết vấn đề của học sinh trong dạy học chủ đề “Một số lực trong thực tiễn” (vật lí10)</i>	01	✓	Tạp chí Giáo dục ISSN 2354- 0753			Tập 22 tháng 3 Tr 40-45	2022
10	<i>Kolb's experiential learning model in STEM education: A theoretical and empirical study with ninth grade students</i>	03	✓	International Journal of Religion ISSN: 2633-3538	Q3		Volume: 4 Number 1 pp. 162 – 175 DOI:	2023

						https://doi.org/10.61707/gw8kms93	
11	<i>Applying G. Polya's 4 Step to solving – problems to solve the dynamics exercises (Physics 10)</i>	01	✓	Proceedings of 3 rd Hanoi forum on Pedagogical and Educational Sciences ISBN: 978-604-62		Pp 367-377	2023
12	<i>Quy trình xây dựng bài tập chủ đề chuyển động tròn (vật lí 10) nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề của học sinh</i>	01	✓	Tạp chí Giáo dục ISSN 2354- 0753		Tập 24 tháng 4 Tr. 78-81	2024
13	<i>Quy trình dạy học Vật lí nhằm phát triển năng lực giải quyết vấn đề của học sinh: Lí thuyết và thực nghiệm</i>	01		Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam ISSN 2615-8957		Tập 20 số S2 Tr 67- 71	2024
14	<i>Nghiên cứu đề xuất khung năng lực dạy học STEM của giáo viên phổ thông tại Việt Nam</i>	05		Tạp chí Giáo dục ISSN 2354- 0753		Tập 24 (số đặc biệt 10) tháng 10	2024
15	<i>Xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực dạy học STEM của giáo viên phổ thông tạo việt Nam</i>	05		<i>Kỉ yếu Hội thảo quốc tế</i> ISSN 2354- 0753		Tập 24 (số đặc biệt 11) tháng 11	2024
16	<i>Design-Based Learning for Elementary School Classrooms</i>	02	✓	East African Scholars Journal of Education, Humanities and Literature ISSN: 2617-7250		Volume-7 Issue-1, Jan- 2024 DOI: https://doi.org/10.36349/easjehl.2024.v07i01.003.pp18-22	2024
17	<i>Đề xuất mô hình đồng sáng tạo cùng AI và vận dụng</i>	03	✓	Tạp chí Giáo dục ISSN 2354- 0753		Tạp chí giáo dục	2025

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	<i>trong thiết kế hoạt động dạy học: Nghiên cứu trường hợp dạy học lập trình với sự hỗ trợ của Chatbot - AI cho sinh viên đại học.</i>						xác nhận chấp nhận đăng 17/6/2025	
18	<i>Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (ChatBot) trong dạy học khoa học tự nhiên theo mô hình 5E ở trường trung học cơ sở</i>	01	✓	Tạp chí Tâm lí – Giáo dục ISSN: 2734-9217			Tạp 31 số 05, kì 1, tháng 5	2025
19	<i>Integrating design thinking into STEM education: Enhancing problem-solving skills of high school students</i>	03	✓	EURASIA Journal of Mathematics, Science and Technology Education. ISSN:1305-8223	Q2		Volume 21, Issue 4, April 2025, em2611 https://doi.org/10.29333/ejmste/16084	2025
20	<i>Impact of problem-based learning on critical thinking: An exploration with middle school students</i>	04	✓	International Journal of Innovative Research and Scientific Studies ISSN:2617-6548	Q3		Volume 8, No3 (2025) https://doi.org/10.53894/ijirss.v8i2.5819	2025
21	<i>Teaching STEM using the 5E model approach: Assessing problem-solving skills of middle school students</i>	03	✓	International Journal of Innovative Research and Scientific Studies ISSN:2617-6548	Q3		Vol 8. No 2 (2025) pages: 1573-1582 https://doi.org/10.53894/ijirss.v8i2.5516	2025

- Trong đó: sau tiền sử là 15 bài. Số lượng và thứ tự các bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế ISI/ Scopus **là tác giả chính: 04 bài (10,19,20,21)**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*): Không

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Không

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT: 6 HVCH

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: Không

xc) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ nhiệm 01 nhiệm vụ KH&CN Tỉnh (UV chức danh PGS):

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: Không

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS: Không.

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Không

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Chí Nguyễn